CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Khoáng sản Miền Đông AHP

Ngày 31/03/2025	10,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.9%	**-9.8%**	**-1.9%**

DT thuần
Q1/25
115
tỷ VNĐ
QoQ: ▼113| -49.4%
YoY: ▲ 52.0| 83.1%

LN thuần
Q1/25
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.80| 5.8%
YoY: ▲ 5.00| 49.0%

LN sau thuế
Q1/25
12.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60| 4.9%
YoY: ▲ 3.98| 47.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
18.5%
YoY: +/-▲ 9.0%

ROE (TTM)
Q1/25
4.4%
YoY: +/-▲ 0.3%

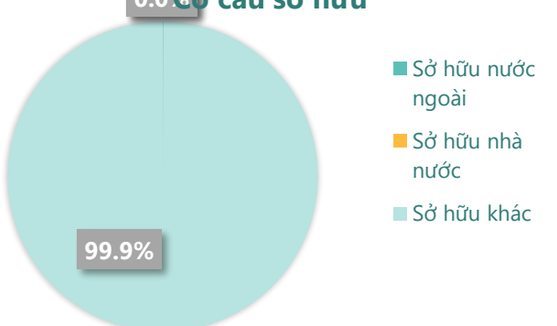
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,800 - 13,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,060
Số lượng CPLH (CP)	104,999,978
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,240
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	500
P/E	20.2

DT thuần
2024
535
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 81.0| 17.8%

LN thuần
2024
60.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.60| 4.4%

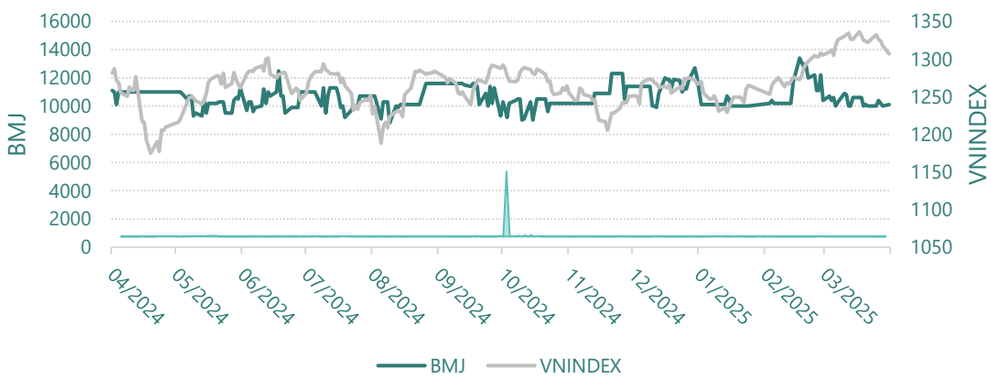
LN sau thuế
2024
48.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.20| -7.8%

Cơ cấu sở hữu

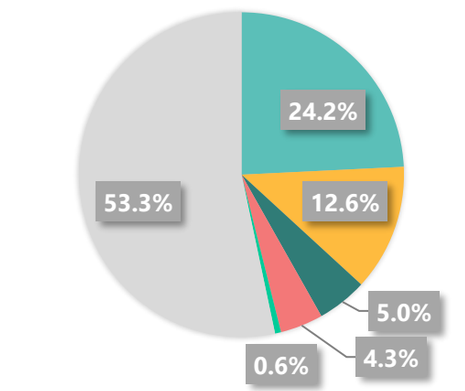


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

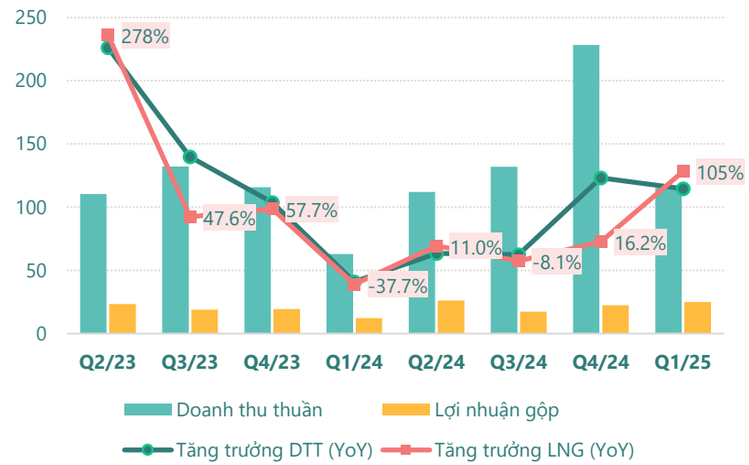


- Nguyễn Thị Kim Thanh
- Nguyễn Hải Đăng
- Đào Quang Linh
- CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
- Trương Hữu Quyến
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

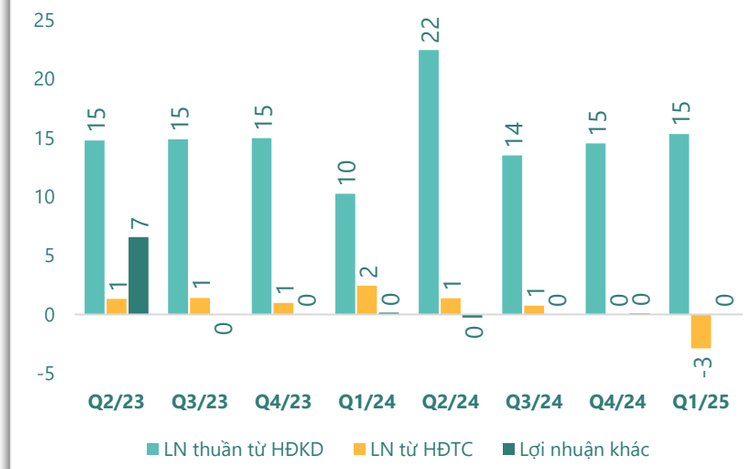
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



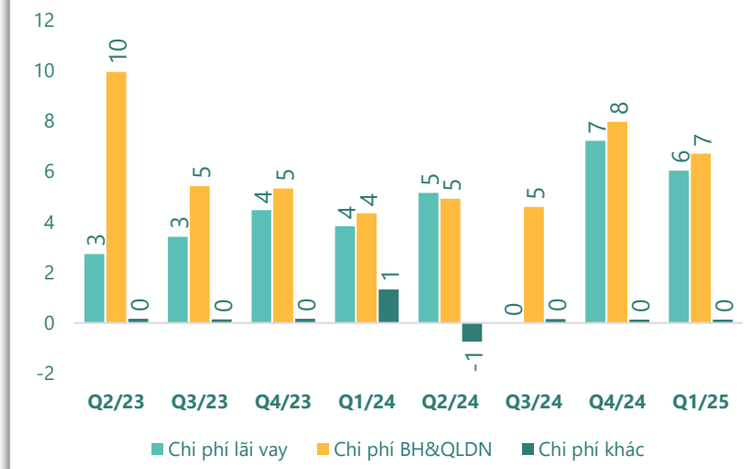
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



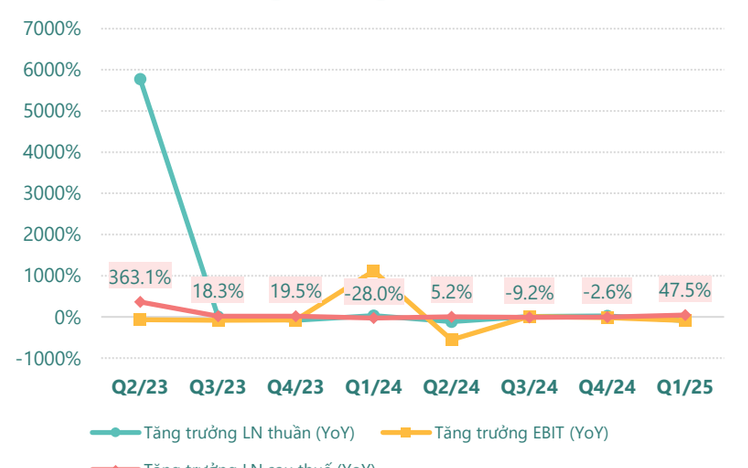
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



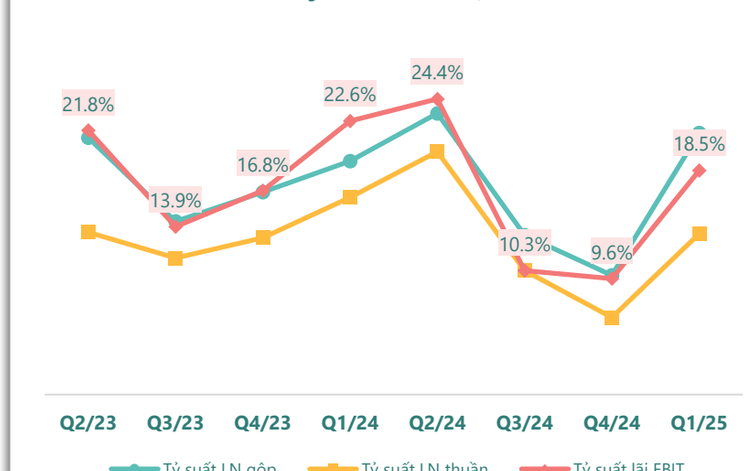
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



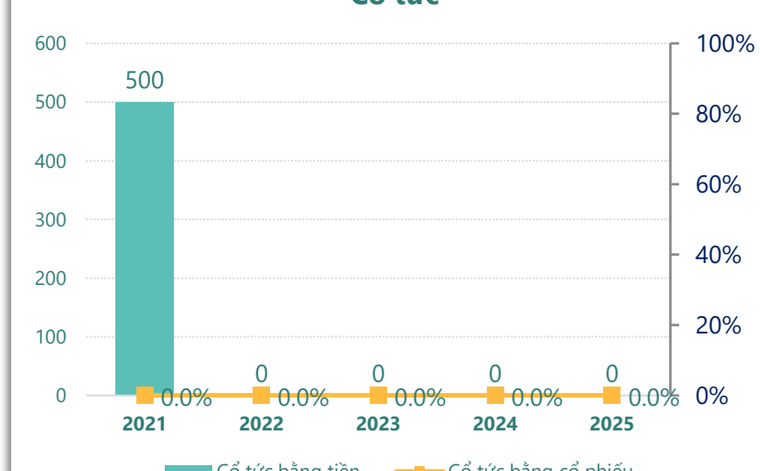
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

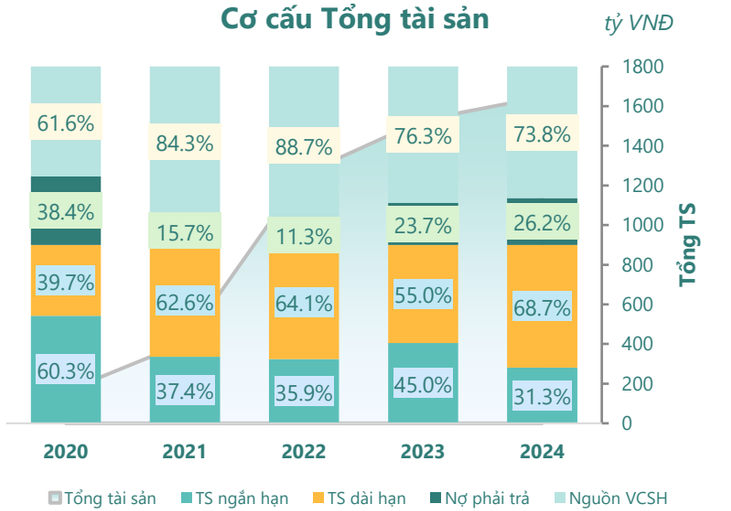
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

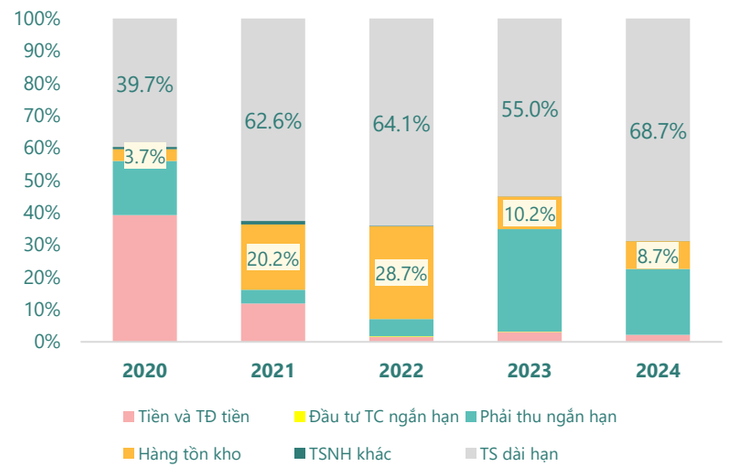
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



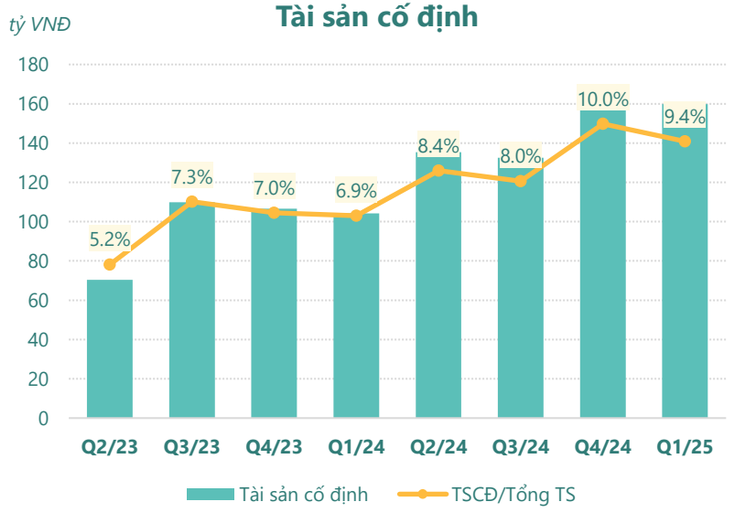
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



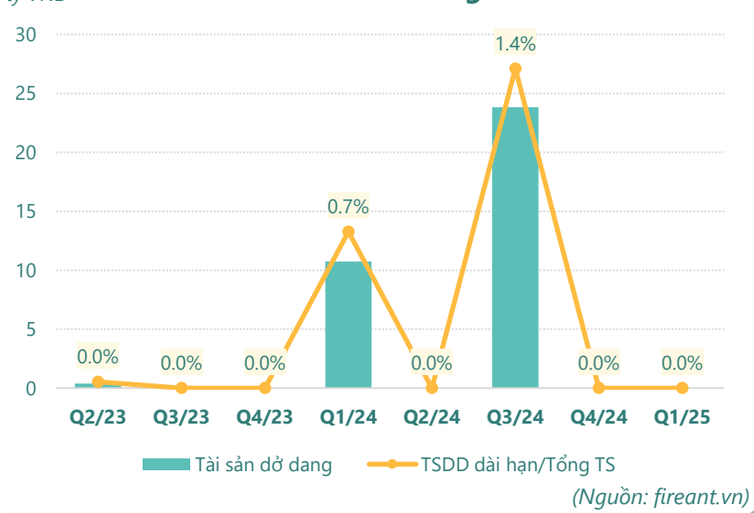
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



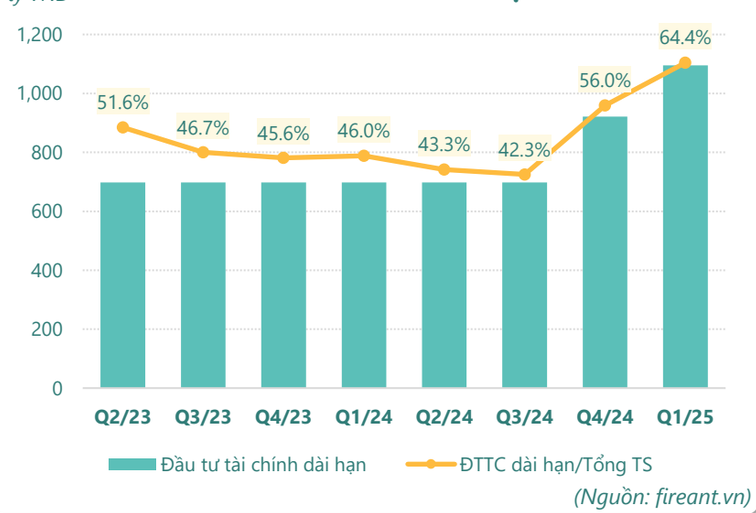
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



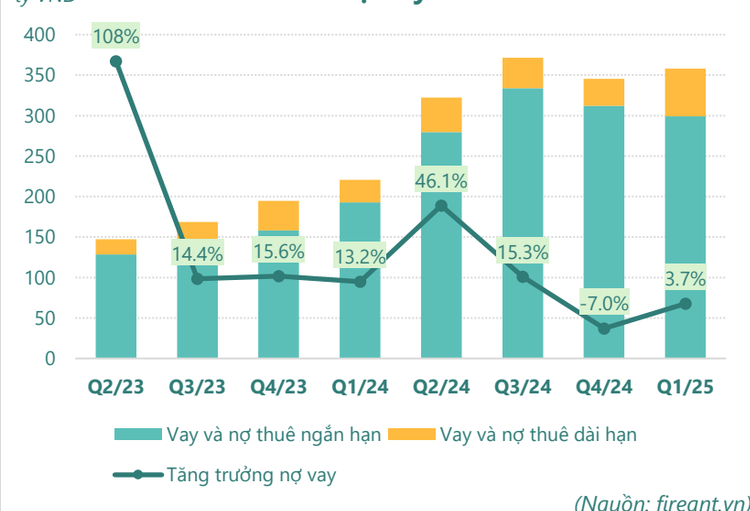
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

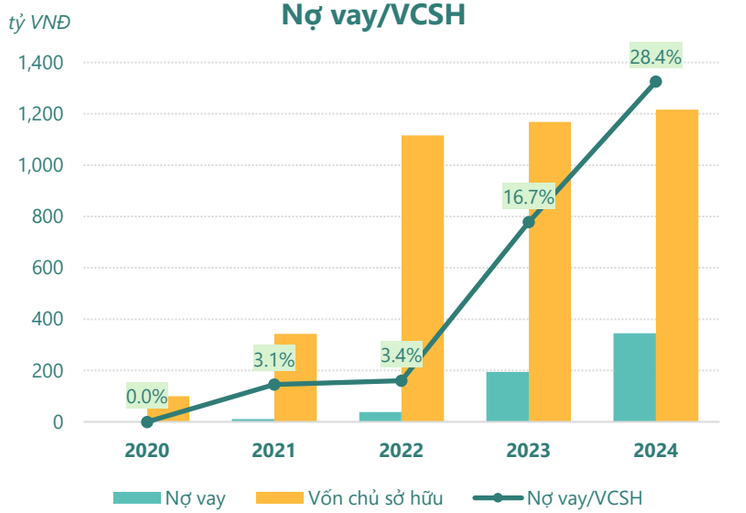
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

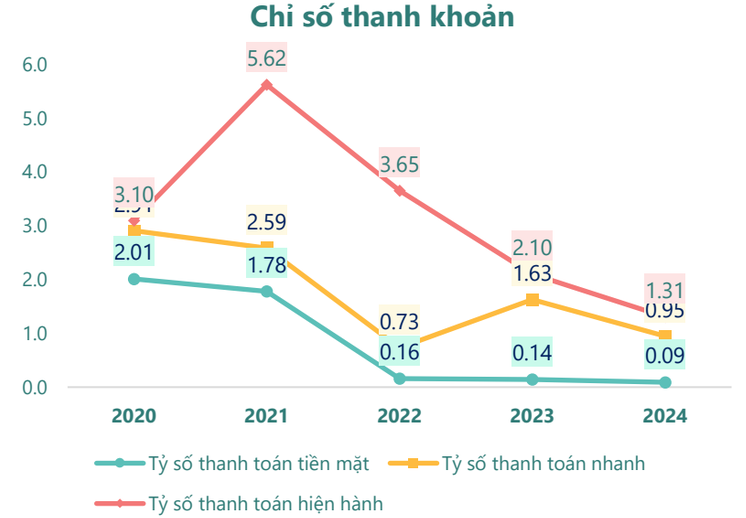
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



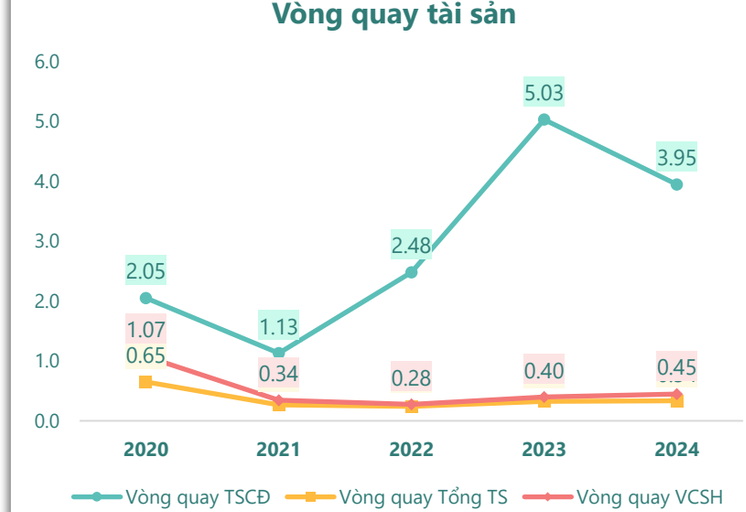
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



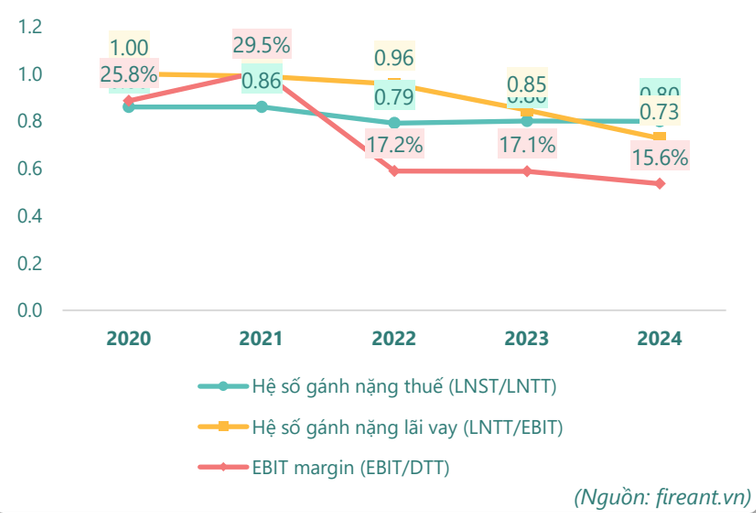
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



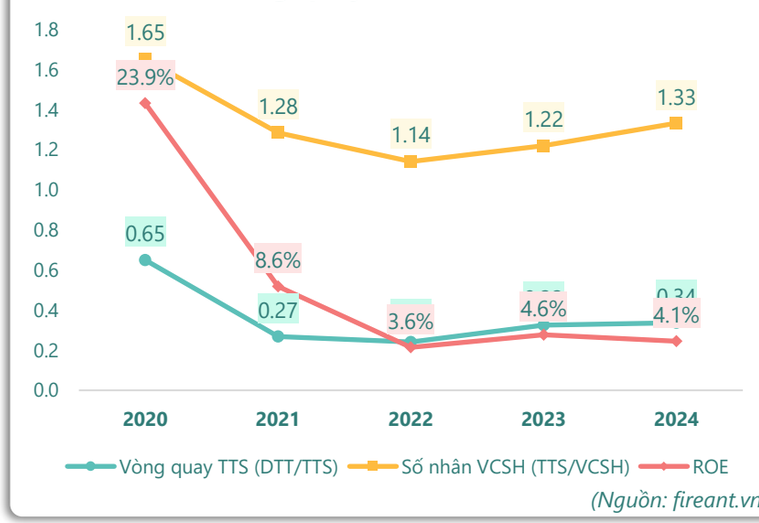
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



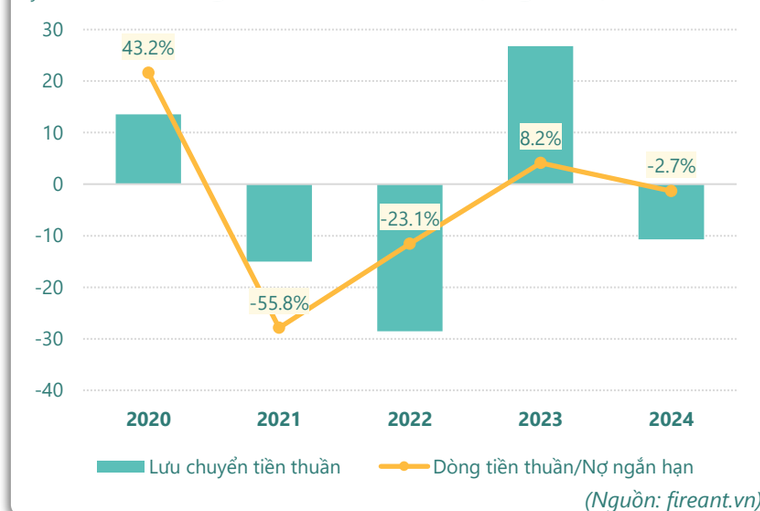
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**115**	**63.0**	**83.1%**	**535**	**454**	**17.8%**
Giá vốn hàng bán	90.4	50.8	78.0%	457	373	22.6%
Lợi nhuận gộp	24.9	12.2	104%	78.0	81.2	-3.9%
Doanh thu HĐTC	3.17	6.29	-49.6%	27.4	14.6	88.2%
Chi phí TC	6.04	3.84	57.3%	22.8	12.0	90.0%
Chi phí lãi vay	6.04	3.84	57.3%	22.8	12.0	90.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.61	1.97	83.4%	10.1	15.7	-35.8%
Chi phí QLDN	**3.11**	**2.38**	**30.5%**	**11.8**	**9.80**	**20.1%**
LN thuần từ HĐKD	15.3	10.3	49.0%	60.8	58.2	4.4%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.15**	**-100.0%**	**-0.03**	**7.59**	**-100%**
LN trước thuế	15.3	10.4	47.5%	60.7	65.8	-7.7%
Lợi nhuận sau thuế	**12.3**	**8.32**	**47.5%**	**48.5**	**52.7**	**-7.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.3**	**8.32**	**47.5%**	**48.5**	**52.7**	**-7.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.59	6.14	-32.3	-42.2	31.6	72.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.5	-57.6	6.60	94.0	-143	51.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.3	25.8	77.4	49.3	-26.1	-17.7
Tiền đầu kỳ	74.0	46.4	20.7	72.4	174	35.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-27.6**	**-25.7**	**51.7**	**101**	**-138**	**106**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.4	20.7	72.4	174	35.7	142

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,701**	**1,647**	**3.3%**
Tài sản ngắn hạn	393	515	-23.7%
Tiền và tương đương tiền	142	35.7	298%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	90.6	335	-73.0%
Hàng tồn kho	159	143	11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.20	1.47	-18.2%
Tài sản dài hạn	**1,308**	**1,132**	**15.5%**
Phải thu dài hạn	14.2	6.34	123%
Tài sản cố định	160	164	-2.8%
Bất động sản đầu tư	8.67	8.67	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1,096	922	18.9%
Tài sản dài hạn khác	**29.7**	**31.0**	**-4.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	472	431	9.7%
Nợ ngắn hạn	**410**	**393**	**4.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	299	312	-4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.5	41.8	-17.4%
Nợ dài hạn	62.6	37.2	68.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	58.7	33.3	76.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,228**	**1,216**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,228**	**1,216**	**1.0%**
Vốn điều lệ	1,050	1,050	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)